

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THUYẾT MINH TỔNG HỢP**  
**QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ CÁT TÂN, HUYỆN**  
**NHƯ XUÂN TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2030**

*Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2021*

**Công ty cổ phần**

**Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long**

**Giám đốc**



**Nguyễn Đức Sơn**

HOÀN THÀNH 7 - 2021

<b>MỤC LỤC</b>	
<b>I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT- CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH</b>	<b>3</b>
1.1 Lí do và sự cần thiết	3
1.2. Căn cứ pháp lý	3
1.3. Quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch	4
<b>II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH</b>	<b>4</b>
<b>III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP</b>	<b>5</b>
3.1. Vị trí địa lý	5
3.2. Địa hình tự nhiên	5
3.3. Thời tiết khí hậu	6
3.4. Thủy văn	7
3.5. Địa chất	7
3.6. Các ảnh hưởng thiên tai...	7
3.7. Hiện trạng dân số	7
3.8. Hiện trạng, đặc điểm kinh tế	8
3.9. Công tác xây dựng NTM	10
3.10. Hiện trạng văn hóa xã hội	10
3.11. Hiện trạng sử dụng đất	12
3.12. Hiện trạng nhà ở, công trình công cộng	13
3.13. Hiện trạng về hạ tầng kỹ thuật	14
<b>IV. XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN</b>	<b>16</b>
4.1. Động lực phát triển – Kinh tế chủ đạo của xã	16
4.2. Dự báo phát triển	16
<b>V. CÁC MỤC TIÊU</b>	<b>18</b>
<b>VI. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ</b>	<b>19</b>
6.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc	19
6.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc	20
6.3. Tổ chức khu vực SXKD	21
<b>VII. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>21</b>
7.1. Hệ thống trung tâm	21
7.2. Hệ thống thôn bản , dân cư tập trung	21
7.3. Hệ thống khu vực sản xuất kinh doanh	22
7.4. Các khu vực có khả năng phát triển	22
7.5. Các khu vực hạn chế, cấm xây dựng	22
7.6. Các công trình đầu môi, kết nối hạ tầng	22
<b>VIII. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>	<b>24</b>
8.1. Quy hoạch giao thông	24
8.2. San nền thoát nước	25
8.3. Quy hoạch cấp nước	27
8.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường	28
8.5. quy hoạch cấp điện – hệ thống chiếu sáng	29
<b>IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG</b>	<b>30</b>
9.1. Mục đích	30
9.2. Dự báo các tác động đến môi trường	30
9.3. Đánh giá tác động chính và giải pháp giảm thiểu	32
9.4. Đánh giá chung	35
<b>X. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ</b>	<b>35</b>
<b>XI. KẾT LUẬN</b>	<b>36</b>

## **I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH**

### **1.1/ Lý do và sự cần thiết của việc lập quy hoạch**

Thực hiện các quy định về tiêu chí Quy hoạch và thực hiện quy hoạch tại quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 3/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020.

Tính đến hết năm 2020, trên địa bàn huyện tất cả các xã đã lập xong quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới (*có hiệu lực đến năm 2020*) và đã được UBND huyện phê duyệt theo quy định, đạt 100% kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh. Sau khi quy hoạch xã được phê duyệt, UBND các xã đã triển khai thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Xã Cát Tân có vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội vùng phía Tây Bắc của huyện Như Xuân. Với lợi thế về giao thông có Quốc lộ 45 (kéo dài) đi qua đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối giao lưu kinh tế, văn hóa giữa huyện Như Xuân với các cụm động lực khác trong và ngoài tỉnh.

Với những ưu thế và tiềm năng phát triển của khu vực, trước nhu cầu phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi ngày càng cao của tỉnh Thanh Hoá nói chung và huyện Như Xuân nói riêng, việc nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng xã là cần thiết và cấp bách, tạo tiền đề và cơ sở pháp lý hoạch định và quản lý sự phát triển của khu vực theo định hướng đúng đắn và phù hợp, từ đó triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết nhằm kêu gọi và thu hút đầu tư vào khu vực này.

### **1.2/ Các căn cứ pháp lý**

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 4/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD, ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 3/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020.

Căn cứ Công văn số 410 /UBND-KTHT ngày 16/ 3 /2020 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân V/v thống nhất chủ trương lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 đối với các xã trên địa bàn huyện Như Xuân.

Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND huyện Như Xuân về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân , huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

#### **1.2.1/. Các nguồn tài liệu và số liệu**

- Các số liệu, tài liệu thống kê của xã, huyện và các ngành có liên quan;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Như Xuân nhiệm kỳ 2020-2025;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Cát Tân nhiệm kỳ 2020-2025;
- Các quy hoạch chuyên ngành khác.

#### **1.2.2/. Các cơ sở bản đồ**

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 xã Cát Tân;
- Bản đồ địa chính xã Cát Tân;
- Hệ thống bản đồ quy hoạch nông thôn mới xã Cát Tân đã được UBND huyện phê duyệt.

#### **1.3/ Quy mô, phạm vi và ranh giới lập quy hoạch**

- Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch: toàn bộ địa giới hành chính xã Cát Tân.  
Diện tích toàn xã: 1.589,9 ha. (15,90 km<sup>2</sup>):

- Ranh giới lập Quy hoạch chung xây dựng xã:
  - + Phía Đông Bắc giáp xã Thượng Ninh.
  - + Phía Đông Nam giáp thị trấn Yên Cát;
  - + Phía Tây Nam giáp xã Cát Vân , xã Hóa Quý;
  - + Phía Tây Bắc giáp huyện Thường Xuân.
- Tổng dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: 2.990 người (số liệu thống kê của xã đến thời điểm hiện tại)

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị Quyết được đại hội Đảng bộ huyện Như Xuân và đại hội Đảng bộ xã Cát Tân đề ra.

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá và huyện Như Xuân đã được phê duyệt.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thời kỳ 2021 - 2030; Phát triển nông thôn bền vững trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và mang bản sắc văn hóa vùng miền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

- Đảm bảo các yêu cầu, tiêu chí để hoàn thành mục tiêu xây dựng xã Nông thôn mới.

- Làm cơ sở pháp lý xây dựng các chương trình đầu tư, kế hoạch phát triển, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân nhằm tạo tiền đề và cơ sở pháp lý hoạch định và quản lý sự phát triển của xã trong giai đoạn 2020-2030, phân kỳ giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030 theo định hướng đúng đắn, phù hợp, thu hút đầu tư các nguồn lực để xây dựng và phát triển xã Cát Tân theo các tiêu chí xã Nông thôn mới và hướng tới xã nông thôn mới nâng cao.

### **III. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP**

#### **3.1. Vị trí địa lý:**

Xã Cát Tân nằm ở phía Bắc của huyện Như Xuân, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 7 km về phía Đông. Có vị trí địa lý:

Từ  $105^{\circ}42'30''$  kinh độ phía Tây

Đến  $105^{\circ}44'42''$  kinh độ phía Đông;

Từ:  $19^{\circ}35'44''$  vĩ độ phía Nam

Đến  $19^{\circ}16'27''$  vĩ độ phía Bắc.

Có ranh giới tiếp giáp với các xã như sau: Phía Đông Nam giáp thị trấn Yên Cát; phía Tây Nam giáp xã Cát Vân và xã Hóa Quỳ phía Đông Bắc giáp xã Thượng Ninh; phía Tây Bắc giáp huyện Thường Xuân.

- Xã Cát Tân có Quốc lộ 45 (kéo dài) chạy qua xã theo hướng Đông - Tây, dài khoảng 4,0 km.

Với vị trí thuận lợi như vậy sẽ tạo điều kiện cho xã phát triển kinh tế-xã hội, giao lưu hàng hoá với các xã, vùng lân cận và thích ứng với nền kinh tế thị trường.

#### **3.2. Địa hình tự nhiên:**

Khu vực thuộc vùng thung lũng, bao bọc xung quanh là các dãy núi của huyện Như Xuân, độ cao trung bình từ 80-450m so với mặt nước biển. Địa hình dạng thung lũng tương đối bằng phẳng, xung quanh đồi núi cao, địa hình bị chia cắt bởi suối và các đồi núi xen lẫn.

Cảnh quan đẹp, có sông, có núi tạo thuận lợi khai thác cảnh quan du lịch.

Độ dốc cao từ 4 phía thấp dần xuống suối Chàm

Có địa hình thấp nhất: khu vực ven suối: 70,5m - 110,5m;

Có địa hình cao nhất: khu vực núi phía Nam: 258m - 831m;

\* Nhìn chung khu vực địa hình thung lũng có độ dốc thấp, nền đất cao, (khu vực dọc đường Quốc lộ 45 kéo dài) có thể khai thác quỹ đất nhiều tuy nhiên lại phân tán, bởi vậy sẽ khó khăn trong việc phát triển đồng bộ, kết nối hạ tầng kỹ thuật.

### **3.3. Thời tiết khí hậu:**

Như Xuân là huyện miền núi của tỉnh Thanh Hoá có đặc điểm chịu ảnh hưởng thời tiết của vùng nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh sương giá, mùa hè nắng có gió tây khô nóng và mưa nhiều.

- Nhiệt độ: Tổng nhiệt độ năm là  $8.500^{\circ}\text{C}$  -  $8.600^{\circ}\text{C}$ , biên độ năm:  $12-13^{\circ}\text{C}$ , biên độ ngày:  $5,5 - 6,0^{\circ}\text{C}$ . Những tháng có nhiệt độ cao là từ tháng 5 đến tháng 9, bình quân từ  $28 - 29^{\circ}\text{C}$ . Ngày có nhiệt độ tuyệt đối cao nhất chưa quá  $41^{\circ}\text{C}$ . Những tháng có nhiệt độ thấp nhất là từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau.

- Mưa: Tổng lượng mưa trong năm từ 1600 mm - 1800 mm (thuộc khu vực có lượng mưa trung bình trong vùng), lượng mưa tập trung vào tháng 6- 10 (chiếm đến 80% lượng mưa cả năm); tháng 9 có lượng mưa lớn nhất, lượng mưa ít nhất vào tháng 12 và tháng 1 năm sau.

- Độ ẩm không khí: Trung bình trong năm  $80 \div 86\%$ , các tháng 2, 3, 4 có độ ẩm xấp xỉ 90%.

- Gió: Thông thường có 2 hướng gió chính, đó là gió mùa Tây Bắc và gió mùa Đông Nam. Tốc độ gió trung bình từ 1,8 - 2,2 m/s. Ngoài ra còn có các đợt gió Tây Nam khô nóng và gió bão thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 9 ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sức khỏe con người.

- Thiên tai: Chủ yếu là hạn hán, gió bão, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Tóm lại: Các yếu tố khí hậu, thời tiết nhìn chung thuận lợi cho sinh trưởng phát triển cây trồng và vật nuôi. Đặc biệt, tổng nhiệt độ trong năm lớn, có thể trồng được nhiều loại cây trồng và trồng được nhiều vụ trong năm nhất là đối với cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

### **3.4. Thủy văn.**

Chế độ thủy văn qua xã chủ yếu có suối Cát Lợi, suối Vân Phụ, Suối Thanh Vân, suối Cát Xuân chảy qua, tổng chiều dài khoảng 9,6km; Lưu lượng dòng chảy phụ thuộc vào mùa mưa ( từ tháng 6 đến tháng 10).

\* Nhận xét chung: Điều kiện khí hậu thời tiết thuận lợi cho việc phát triển, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng, mưa tập trung gây lũ cục bộ, gây tổn hại đến sản xuất và các công trình, miền núi cao hay có sương mù, sương muối. Để khai thác yếu tố có lợi, né tránh các yếu tố bất lợi cho sản xuất cần ứng dụng các công thức luân canh, tăng vụ, mở rộng phương thức nông, để tạo môi trường bền vững cho sản xuất.

### **3.5. Địa chất.**

Qua số liệu khảo sát địa chất để xây dựng các công trình, Cấu tạo địa tầng khu vực xã Cát Tân chủ yếu là nền đất đá gốc, có khả năng chịu lực tốt, cường độ là 1,4 - 2,0 kg/ cm<sup>2</sup>, thuận tiện cho xây dựng công trình không phải gia cố sử lý nền móng nhiều.

### **3.6. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái;**

Khu vực Cát Tân nằm trong Thung lũng, bao xung quanh là núi, có suối Cát Lợi, suối Vân Phụ, Suối Tân Thanh, suối Cát Xuân chảy qua, khả năng có thể bị lũ khi nước suối cao; Tuy nhiên quan trắc trong nhiều năm tần suất lũ không nhiều; một phần do chế độ dòng chảy, mặt khác do nền đất các khu dân cư khá cao.

Ngoài ra, khu vực có nhiều đồi núi cao, khả năng sạt lở khi đất ngập nước do mưa kéo dài cũng có thể xảy ra.

Cần có biện pháp di dân vùng có nguy cơ sạt lở và vùng ven suối đến những vùng đất ổn định hơn.

### **3.7. Hiện trạng về dân số**

Dân số hiện trạng xã Cát Tân thời điểm đến 30 tháng 6 năm 2021 có 2.990 nhân khẩu, với 678 hộ dân sinh sống tại 05 thôn gồm: Thôn Cát Xuân, thôn Cát Lợi, thôn Thanh Vân, thôn Phụ Vân, thôn Cát Thịnh.

Dân cư phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm xã là Cát Xuân, Cát Lợi và thôn Thanh Vân, rải rác các thôn còn lại ven chân núi.

Đặc điểm dân cư xã Cát Tân có 4 dân tộc anh em, cơ cấu các dân tộc (Dân tộc Thái 15.81%; Thổ 38.70%, Mường 0.6%; Kinh 44.89%)

Tổng lao động toàn xã thời điểm đến 30 tháng 6 năm 2021 có 1467 lao động chiếm khoảng 49% tổng dân số toàn xã chủ yếu là lao động Nông lâm nghiệp; một số làm kinh doanh dịch vụ và lao động khối cơ quan sự nghiệp.

### **3.8. Đặc điểm về hiện trạng Kinh tế.**

#### **3.8.1. Về kinh tế:**

Tổng giá trị sản xuất năm 2020 đạt 118,697 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm, trong đó: Nông - lâm - thủy sản đạt 48,506 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch năm, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng đạt 29,102 tỷ đồng đạt 103% kế hoạch năm, Dịch vụ thương mại, vận tải đạt 41,089 tỷ đồng đạt 99,6% kế hoạch năm, Thu nhập bình quân đầu người 39,46 triệu đồng/người/năm, đạt 124 % kế hoạch.

Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 40,8%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng chiếm 24,5%, thương mại, dịch vụ, vận tải chiếm 34,6%.

#### **a, Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.**

- *Sản xuất nông nghiệp*: Sản xuất nông nghiệp mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid -19, nắng hạn kéo dài, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nhưng vẫn có bước phát triển khá toàn diện. Giá trị sản xuất đạt 48,506 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch năm Tổng diện tích gieo trồng đạt 612ha, bằng 97,6% kế hoạch năm, giảm 109 ha so với năm 2019 (Một số diện tích giảm như sắn, lúa, ngô do thời tiết và dịch bệnh) Tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 1.308 tấn, đạt 93,4% KH năm.

Diện tích sắn trồng mới niên vụ 2020-2021 là 59 ha đạt 98,3% KH, Giảm 19 ha so với niên vụ trước, năng suất ước đạt 200 tạ/ha, sản lượng 1.180 tấn.

#### **- Chăn nuôi:**

Tổng đàn trâu, bò = 283 con giảm 50 con so với cùng kỳ, đạt 87 % kế hoạch. Trong đó: Đàn trâu 128 con giảm 3 con so với cùng kỳ, Đàn bò 155 con giảm 47 con so với cùng kỳ, Đàn lợn 505 con giảm 37 con so với cùng kỳ. Đàn dê 37 con, Đàn gia cầm 12.930 con. Đàn gia súc, gia cầm ổn định không có dịch bệnh xảy ra. ao cá: 55,7 ha.

- Kinh tế trang trại, gia trại trên địa bàn xã tiếp tục được chú trọng đầu tư phát triển nhân rộng; đến nay toàn xã hiện có 2 trang trại, gia trại, chăn nuôi.

- *Thủy sản*: Công tác chăn nuôi thủy sản ở các hộ gia đình được chú trọng, diện tích nuôi trồng thủy sản là 57 ha, giá trị sản xuất từ đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt 2,2 tỷ đồng.

- *Lâm nghiệp*: Ban hành các văn bản về chỉ đạo công tác quản lý BVR, PCCCR mùa khô. Phối hợp với các ngành, đoàn thể tập trung tuyên truyền pháp luật về quản lý BVR cho 5 thôn với 171 lượt người; Trên toàn xã đã trồng mới được 132 ha keo đạt 101% KH, ( Nhận hỗ trợ 50.128 kg gạo cho người dân tộc,



hộ nghèo có diện tích trồng rừng theo Nghị định 75/NĐ-CP của Thủ tướng Chính Phủ.

Thực hiện chương trình cải tạo vườn tạp và xây dựng vườn mẫu Ủy ban nhân dân đã ban hành kế hoạch, triển khai đến các thôn vận động nhân dân chỉnh trang nhà cửa, trồng những cây có giá trị kinh tế như: mít, bưởi xen ổi. Phối hợp với Hội làm đã xây dựng được 3 vườn mẫu,

***b, Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng ; Dịch vụ thương mại***

- *Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng* đạt mức tăng trưởng khá đạt 29,102 tỷ đồng đạt 103% kế hoạch ; các sản phẩm chủ yếu sản xuất đồ mộc, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất gạch không nung, xây dựng cơ bản.

+ *Xây dựng cơ bản*: Tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư xây dựng đường giao thông Cát Lợi - Thanh Vân trị giá 4,5 tỷ đồng; Đường giao thông đi trại Cam 0,974 tỷ đồng; Đường giao thông Cát Xuân - Thanh Vân 0,599 tỷ đồng.

- *Chương trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn*: Tiếp tục củng cố duy trì các tiêu chí Nông thôn mới đã đạt được ở 3 thôn. Triển khai xây dựng 2 thôn Thôn Phú Vân và Thôn Cát Thịnh đạt chuẩn.

Về giao thông: Đổ bê tông 1.0km đường nội thôn Thanh Vân ; 0,95km đường nội thôn Cát Xuân. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển NTM với số tiền là 300 triệu đồng và nguồn đóng góp của nhân dân. Chỉnh trang tu sửa lại đường điện chiếu sáng tại thôn Cát Xuân.

- *Dịch vụ thương mại - vận tải*: đạt 41,089 tỷ đồng đạt 99,6% kế hoạch năm các hoạt động chủ yếu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ăn uống, vận tải ngày càng được phát triển đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động các hộ kinh doanh cá thể không bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, BCD vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát các hộ kinh doanh buôn bán trên địa bàn.

***c. Quản lý đất đai, tài nguyên môi trường***: Tiếp tục đấu môi thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tập trung giải quyết các trường hợp vi phạm, chồng lấn, tranh chấp trong quản lý sử dụng đất.

***3.8.2. Công tác quản lý nhà nước, huy động vốn cho đầu tư phát triển***:

Cấp ủy, chính quyền đã chủ động tham mưu, đấu môi tranh thủ huy động các nguồn lực đầu tư, cân đối vốn đầu tư theo kế hoạch được giao, rà soát, đánh giá, lựa chọn những dự án, chương trình thực sự cấp thiết để đầu tư xây dựng như: Xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế ... Tỷ lệ tăng thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt so với mục tiêu đại hội, đạt 146,5% năm so dự toán huyện giao.

***3.8.3. Về phát triển doanh nghiệp***: Trong những năm qua, cùng với sự phát triển trên tất cả các lĩnh vực, tình hình phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn cũng có bước chuyển biến; Thành phần kinh tế chủ yếu vẫn là loại hình

kinh tế tư nhân vừa và nhỏ; Hiện nay trên địa bàn toàn xã có 03 xưởng sản xuất gạch không nung; 03 xưởng mộc dân dụng, 05 xưởng cơ khí ; 09 tổ thợ xây dựng đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của xã, tạo việc làm cho 168 lao động tại địa phương. Các loại hình kinh doanh phát triển đa dạng; Toàn xã có 31 hộ kinh doanh hàng tạp hóa; 26 xe ô tô vận tải hàng hóa và vận tải hành khách.

### **3.9. Công tác xây dựng nông thôn mới:**

Hàng năm, cấp ủy đã xây dựng kế hoạch, có sự vào cuộc của người dân. Hàng tuần, cán bộ, công chức xã đã xuống từng thôn, từng hộ gia đình để hướng dẫn, tuyên truyền, giúp đỡ cải tạo vườn tạp, chỉnh trang nhà cửa, xây hồ xử lý rác thải. Trong nhiệm kỳ đã nhựa hóa và bê tông hóa được 16,9 km đường giao thông với tổng số tiền 8,7 tỷ đồng; Xây dựng mới 03 nhà văn hóa thôn với tổng số tiền 1,65 tỷ đồng; Hội trường trung tâm văn hóa xã trị giá 2,528 tỷ đồng; Sân vận động trung tâm văn hóa xã 5,2 tỷ đồng; Xây dựng tường rào khuôn viên khu công sở, mua sắm bàn ghế, trang thiết bị nhà hội trường văn hóa xã 407 triệu đồng; Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại các Trường học và Trạm y tế với tổng số tiền 550 triệu đồng; Hỗ trợ kinh phí giúp đỡ 17 hộ xóa nhà tạm bợ với tổng số tiền 255 triệu đồng; Làm mới 5,5 km đường điện chiếu sáng với tổng số tiền 800 triệu đồng. Tổng số tiền huy động xây dựng nông thôn mới đạt 19,540 tỷ đồng, tăng 16,7 tỷ đồng so với nhiệm kỳ trước. Trong đó tiền nhân dân đóng góp 5,947 tỷ đồng. Có 03 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt 14/19 tiêu chí, tăng tăng 05 tiêu chí so với năm 2015.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ các quan điểm đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, làm cho mọi người dân hiểu rõ chương trình xây dựng NTM là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân. huy động sức dân với phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của nhà nước để tập trung xây dựng nông thôn mới hiệu quả, thiết thực. Phấn đấu đến năm 2021 có 5/5 thôn đạt tiêu chí nông thôn mới, 1/5 thôn đạt NTM kiểu mẫu; Xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **3.10. Hiện trạng về Văn hóa - Xã hội.**

- Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao:

Hoạt động thông tin, truyền thanh được duy trì và phát triển, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của địa phương; Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Tập trung đẩy mạnh các hoạt động văn

hóa, thể dục thể thao. Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phong trào xây dựng làng văn hóa, cơ quan văn hóa được duy trì. Tham gia đầy đủ các Hội thi do huyện tổ chức và đạt kết quả cao.

- *Giáo dục:*

Tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Các phong trào và các cuộc vận động lớn của ngành được các nhà trường triển khai thực hiện; Đội ngũ cán bộ, giáo viên tiếp tục được bồi dưỡng nâng cao trình độ; Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tiếp tục được bổ sung. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm. Đến nay xã đã có 03/03 trường đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 1, đạt 100%. Duy trì và giữ vững tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục ở các cấp học. Công tác xã hội hóa giáo dục được tăng cường và phát huy hiệu quả. Phong trào khuyến học, khuyến tài tiếp tục được đẩy mạnh, thu hút nhiều gia đình, dòng họ, tập thể, cá nhân tham gia.

- *Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân:*

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế, duy trì các biện pháp phòng chống, giám sát các loại dịch bệnh, chỉ đạo quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, của huyện. Công tác khám chữa bệnh được duy trì và bảo đảm, tổng số bệnh nhân khám và điều trị là 2545 lượt người, kiểm tra chặt chẽ đầy mạnh công tác vệ sinh môi trường; tỉ lệ hộ dân dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98%; tỉ lệ hộ dân dùng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 76%; làm tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; tỉ lệ tăng dân số tự nhiên 1,0%.

- *Thực hiện chính sách xã hội, lao động và việc làm:*

Chỉ đạo cho các thôn tiến hành kiểm tra, nắm chắc tình hình đời sống nhân dân, tổ chức tốt các chính sách về an sinh xã hội, kịp thời cấp các chế độ đối với người có công, người hưởng các chế độ, người nghèo, đặc biệt khó khăn, tặng quà cho các đối tượng với tổng xuất quà dịp tết, dịp 27/7 là 277 xuất, với số tiền 93.500.000 đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ- CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19. UBND xã đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đối với 4 nhóm đối tượng, sau khi rà soát đã tổng hợp đề nghị hỗ trợ 798 đối tượng, tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là 675.500.000 đồng.

- *Công tác giảm nghèo:* Hoàn thành tổng hợp báo cáo nghèo, cận nghèo năm 2020, tổng số hộ nghèo 26 hộ, chiếm tỉ lệ 3,77%; Hộ cận nghèo 110

hộ, chiếm tỷ lệ 15,94%. Tổ chức tuyên truyền về công tác xuất khẩu lao động được 16/12 lao động đạt 133%.

- *Quốc phòng - an ninh:*

Duy trì nghiêm các chế độ sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tham mưu cho cấp ủy chính quyền xây dựng kế hoạch thực hiện Quân sự - quốc phòng địa phương, kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị năm và công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu năm 2020.

Tình hình an ninh chính trị của địa phương năm 2020 cơ bản ổn định; Công an xã đã tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác ANTT, đảm bảo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, bảo vệ các công trình trọng điểm về ANQP, đảm bảo ANTT dịp Tết Canh Tý 2020 và các ngày lễ lớn. Quản lý tốt các đối tượng theo pháp luật tại địa bàn.

**3.11. Hiện trạng sử dụng đất;**

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã 1.589.90ha. Trong đó: Diện tích đất nông lâm nghiệp là 1.434,17 ha, chiếm 90,19% tổng diện tích tự nhiên; Đất phi nông nghiệp 142,70ha chiếm 8.97%; Đất chưa sử dụng 10,03ha chiếm 0,63%.

**Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất**

STT	TÊN LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>1.589,90</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.434,17</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	345,73
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	150,55
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	104,72
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	45,83
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	195,18
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	1.034,68
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	1.034,68
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	53,76
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>142,70</b>
2.1	Đất ở	OCT	55,35
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	55,35
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	61,19
2.2.1	Đất giao thông	DGT	39,50

2.2.2	Đất thuận lợi	DTL	15,44
2.2.3	Đất công trình năng lượng	DNL	
2.2.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,02
2.2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,76
2.2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,23
2.6.7	Đất cơ sở văn hoá thể thao	DVH	2,82
2.6.8	Đất cơ sở y tế	DYT	0,32
2.6.9	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	2,10
2.3	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	5,23
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	12,48
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8,17
2.7	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,23
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>13,03</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	3,03
3.2	Núi đá không có rừng cây	NCS	10,00

*- Đánh giá quỹ đất xây dựng:*

Đánh giá tổng hợp dựa trên các tiêu chí: Cao độ và độ dốc địa hình; Điều kiện địa chất thuỷ văn; Giải phóng mặt bằng:

- + Đất thuận lợi xây dựng: 205,6 ha
- + Đất ít thuận lợi xây dựng: 217,5 ha
- + Đất không thuận lợi XD: 1.166,8 ha

**3.12. Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng.**

***Hiện trạng công trình kiến trúc công cộng.***

Các công trình cơ quan, công trình công cộng ở Cát Tân được xây dựng khá kiên cố. Các công trình hành chính và công cộng cơ bản đã được xây dựng đầy đủ về hạng mục, trong quá trình xây dựng NTM đã được cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp cơ bản đạt chuẩn giai đoạn 1. Các công trình chủ yếu bố trí tập trung dọc theo QL45( kéo dài) đoạn qua trung tâm xã, và ven các chân đồi, đã tạo được điểm nhấn.

***Hiện trạng công trình nhà ở dân cư.***

- Tổng số nhà ở năm 2021 là 690 nhà;

***Trong đó:***

- + Nhà ở đạt chuẩn của Bộ xây dựng là 658/678 hộ đạt 97.7%.
- + Trên địa bàn xã còn 20 hộ gia đình đang ở nhà chưa đạt chuẩn của Bộ xây dựng(chiếm 2.95%).

Hình thức kiến trúc nhà ở dân dụng chủ yếu là 1 tầng, khu vực thôn Cát Xuân, Cát Lợi một số hộ xây dựng nhà kiên cố quy mô từ 1 đến 3 tầng dọc QL45(núi dài).

Đánh giá chung: Các công trình cơ quan, công trình công cộng được xây dựng khá kiên cố. Các công trình hành chính và công cộng cơ bản đã đầy đủ về

hạng mục, tuy nhiên chất lượng các công trình và quy mô còn hạn chế, hình thức kiến trúc chưa phong phú và có giá trị kiến trúc chưa cao.

### **3.13. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật .**

#### **a. Hiện trạng giao thông.**

- Đường Quốc lộ 45(kéo dài) kết nối từ thị trấn Yên cát đi xã Thanh Quân dài 4.8km hiện đang được quản lý với quy mô đường cấp VI miền núi, cụ thể bề rộng nền đường  $B_n = 5,5-6,5m$ , bề rộng mặt đường  $B_m = 3,5m$ . Hành lang ATGT 19,5m.

- Trục đường liên xã: Tổng chiều dài 11.75km hiện đang được quản lý với quy mô đường cấp V miền núi, cụ thể bề rộng nền đường  $B_n = 5-7m$ , bề rộng mặt đường  $B_m = 3,5-5m$ . Chỉ giới xây dựng 18,4m.

- Đường trục thôn: Tổng chiều dài đường 11,0km, được cứng hóa 8,3 km, đạt 75.46%.

- Đường liên gia, ngõ xóm: Tổng chiều dài đường 8.6km, được cứng hóa 8.6km đạt 100%

- Đường nội đồng: Tổng chiều dài đường 11.9km, được cứng hóa 9,1km đạt 76,47%.

#### **\* Đánh giá đất đai và nền xây dựng**

- Đất đai khu vực theo khảo sát thực tế có nền địa chất tốt, các công trình đã xây dựng chỉ chiếm hơn 7,3% do đó quỹ đất xây dựng chủ yếu đánh giá qua độ dốc địa hình.

- Do đặc điểm địa hình của khu vực phức tạp, các khu đất thuận lợi xây dựng không tập trung mà phân tán tại các khu vực đất ruộng, sườn đồi, đỉnh đồi, với tập quán xây dựng và các khực dự kiến phát triển chủ yếu là khu du lịch sinh thái do đó quỹ đất này được xem là đất thuận lợi xây dựng.

#### **b. Hiện trạng cấp nước**

- Khu vực chưa có hệ thống cấp nước sạch, nguồn nước sử dụng sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp vẫn được lấy từ hồ đập. Hiện tại người dân đã xây dựng một số đập chắn nước nhỏ cụ thể:

TT	Tên công trình, Hồ đập	Diện tích hồ đập (ha)	Diện tích thực tế Đất trồng được tưới (ha)	Tỷ lệ diện tích Đất trồng lúa được tưới (%)	Ghi Chú
1	Đập Đồng Man	3.18	15.2	100	
2	Ao Ông Bụt	0.42	7.9	100	
3	Ao Bến	0.32	3.0	100	
4	Đập Đồng Tròn	2.53	3.0	100	

5	Đập Đồng Cùg	2.9	4.0	100	
6	Đập Cây Phay	2.08	20.1	100	
7	Đập Đồng Trành	0.15	1.5	100	
8	Ao Nấc Ngạ	0.34	2.0	100	
9	Đập Lúng Bang	1.23	5.5	100	
10	Đập Lớn	5.92	6.2	100	
11	Ao Ông Việt	0.3	1.0	100	

- Tổng số hộ được dùng nước sạch 65%; dùng nước hợp vệ sinh trong xã đạt tỷ lệ 98% so với tổng số hộ trong xã.

**\* Đánh giá:**

Do sự dồi dào về nguồn nước mặt và tập quán sinh hoạt đồng bào nên nhu cầu cấp nước chưa gặp vấn đề lớn, tuy nhiên trong thời gian tới vận động khuyến khích nhân dân nâng cấp sử lý nguồn nước nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch, tính ổn định và kiểm soát hợp vệ sinh .

**c. Hiện trạng thoát nước và vệ sinh môi trường.**

**a. Các hoạt động về môi trường.**

Trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động gây suy giảm môi trường. Các hoạt động phát triển phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Các thôn đều chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường.

**b. Nghĩa trang.**

Hiện nay trên địa bàn xã có thuộc 5 thôn. Để đảm bảo đúng tiêu chí nông thôn mới cần quy hoạch khu nghĩa trang một cách cụ thể đảm bảo thuận lợi cho việc chôn cất, thăm viếng và bảo vệ môi trường sinh thái.

**c. Xử lý chất thải, nước thải.**

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có các công trình xử lý chất thải để bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn tới cần xây dựng các công trình xử lý nước thải, chất thải khu dân cư tập trung đồng thời các thôn cần thành lập các tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát cỏ ở đường để thu gom về nơi xử lý.

Nhìn chung, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã đã được chú trọng, người dân đã có ý thức bảo vệ môi trường, các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường sinh thái như: Trồng cây xanh nơi công cộng, đường giao thông được phát dọn thường xuyên do đó đã hạn chế được các hoạt động làm suy giảm và ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, việc xây dựng các khu xử lý chất thải đặc biệt là chất thải rắn còn nhiều hạn chế.

#### ***d. Hiện trạng cấp điện***

- Khu vực hiện có tuyến điện 35KV. Hiện trạng tuyến điện đi qua địa bàn xã có một số vị trí không hợp lý cần phải được cải dịch để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và định hướng phát triển không gian khu vực quy hoạch.

- Hiện tại trong khu vực đang được bố trí 05 trạm biến áp với tổng công suất 480 KVA đáp ứng đủ nhu cầu cấp điện sinh hoạt cho dân cư hiện trạng. Tuy nhiên do địa bàn dân cư không tập trung bán kính trạm điện đến các hộ dân vượt quá quy định nên điện áp đến các hộ dân có nơi rất thấp. Trong tương lai cần bố trí trạm biến áp cho khu vực phát triển mới cũng như nâng cấp công suất các trạm biến áp hiện có để đảm bảo cấp điện cho khu vực.

- Toàn bộ hệ thống cấp điện đều được đi trên không với hệ thống cột điện chủ yếu bằng bê tông, cây gỗ, cây luồng,... Khu vực hiện đã có hệ thống điện chiếu sáng dọc đường khu vực trung tâm,

#### ***e. Thông tin liên lạc.***

- Khu vực hiện đã có sóng điện thoại di động, và sử dụng hệ thống thông tin bưu chính viễn thông từ bưu điện tại trung tâm xã Cát Tân.

### **IV. XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN.**

#### ***4.1. Động lực phát triển - kinh tế chủ đạo của xã.***

Xã Cát Tân có vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Như Xuân. Với lợi thế về giao thông có QL45(nổi dài) đi qua, giáp với thị trấn Yên Cát, xã Cát Tân đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối giao lưu kinh tế, văn hóa giữa huyện Như Xuân với các khu vực khác toàn huyện.

Đây chính là những động lực rất quan trọng phát triển kinh tế xã hội của xã Cát Tân. Trong đó chủ đạo là kinh tế nông lâm kết hợp, phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch.

#### ***4.2. Dự báo phát triển xã:***

##### ***4.2.1 Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch 10 năm và phân kỳ quy hoạch 5 năm;***

*(Xác định quy mô dân số dựa trên cơ sở cân bằng lao động đến 2030)*

##### **Phương án 1**

Dự báo đến năm 2030, Lao động thuộc các khu vực kinh tế:

- Lao động phi nông nghiệp CN, TTCN : 380 Lao động (1)
- Lao động khối cơ quan sự nghiệp : 100 Lao động (2)
- Lao động khối thương mại - dịch vụ : 500 Lao động (3)
- Lao động ngành nông, lâm nghiệp : 1.000 Lao động (4)



**Tổng lao động** (1) + (2) + (3) + (4) = 1.980 Lao động ( xác định tỷ lệ lao động tương đương khoảng 60% dân số)

==> Dân số dự báo: Dân số hiện trạng: 2.990 người

Tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm 1%

+ Đến năm 2025 khoảng: 3.150 người;

+ Đến năm 2030 khoảng: 3.300 người.

Trong đó:

+ Dân số hiện trạng (khu vực lập quy hoạch): 2.990 người

+ Dân số phát triển mới: 210 người:

- Dân cư phi nông nghiệp chiếm khoảng : 50 %

- Dân cư nông lâm nghiệp chiếm khoảng : 50 %

### **Phương án 2**

Dự báo đến năm 2030, Lao động thuộc các khu vực:

- Lao động phi nông nghiệp CN, TTCN : 2.000 Lao động (1)

{Trong đó:

+ Lao động trong khu CN – làng nghề : 1.800 (100 Lao động/1ha)

+ Thu hút lao động tại xã khoảng 25% : 360 Lao động.}

- Lao động khối cơ quan sự nghiệp : 100 Lao động (2)

- Lao động khối thương mại - dịch vụ : 500 Lao động (3)

- Lao động ngành nông, lâm nghiệp : 640.000 Lao động (4)

**Tổng lao động** (1) + (2) + (3) + (4) = 3.240 Lao động ( xác định tỷ lệ lao động tương đương khoảng 60% dân số)

==> Dân số dự báo: Dân số hiện trạng: 2.990 người

Tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm 1%

+ Đến năm 2025 khoảng: 3.150 người;

+ Đến năm 2030 khoảng: 3.300 người.

Trong đó:

+ Dân số hiện trạng (khu vực lập quy hoạch): 2.990 người

+ Dân số phát triển mới: 210 người:

- Dân cư phi nông nghiệp chiếm khoảng : 50 %

- Dân cư nông lâm nghiệp chiếm khoảng : 50 %

### **4.2.2 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật .**

a) Các chỉ tiêu về đất đai

- Đất ở : > 25m<sup>2</sup>/ người.

- Đất công trình công cộng và dịch vụ :> 5m<sup>2</sup>/người.

- Đất cây xanh công cộng: > 2m<sup>2</sup>/người.

- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật :> 5m<sup>2</sup>/người.

b) Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

- Tiêu chuẩn dùng điện: 150 w/ người và 100% số hộ dân dùng điện.

- Tiêu chuẩn dùng nước: 60-80l/ngày đêm và 100% hộ dân cư được dùng nước hợp vệ sinh.

- Thu gom sử lý chất thải: 80 %.

### **4.3. Dự báo quy mô đất xây dựng xã**

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã 1.589,90 ha. Trong đó: Diện tích đất nông lâm nghiệp là 1.379.14 ha, chiếm 86,73% tổng diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp 197,73 ha chiếm 12,44%; đất chưa sử dụng 10,03 ha chiếm 0,63%.

Dự báo quy mô đất xây dựng toàn xã đến năm 2030: khoảng 170ha.

## **V. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU**

### **5.1 Về kinh tế:**

-. Tổng giá trị sản xuất đạt 138,230 tỷ đồng.

-. Về cơ cấu kinh tế: Nông, Lâm nghiệp, thủy sản chiếm 40,5%; Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 32%; Thương mại - Dịch vụ, vận tải, thu khác 27,5%.

-. Thu nhập bình quân đầu người đạt 46.000.000đồng/người/năm.

-. Sản lượng lương thực đạt 1.400 tấn; Bình quân lương thực đầu người đạt 453 kg/người/năm.

-. Thu ngân sách trên địa bàn tăng 10% so với KH Huyện giao.

-. Thành lập mới 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và vận tải.

-. Tổng diện tích gieo trồng các loại cây trong năm là 630 ha. Trong đó: Lúa 02 vụ là 208 ha; ngô 20 ha, trồng cỏ chăn nuôi 15 ha, rau màu 35 ha; Sắn là 60 ha; cao su 65ha; trồng rừng 130 ha; trồng chè 10 ha.

-. Độ che phủ rừng 73%.

-. Tăng tổng đàn gia súc, gia cầm 15%.

### **5.2 Văn hóa- xã hội**

10. 100% trẻ em trong độ tuổi (6 tuổi) đến trường, không có học sinh bỏ học.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi 1%/năm.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%;

- Xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm 1%;

- Tỷ lệ gia đình văn hóa 85%.

- Số hộ được dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 60%; xuất khẩu lao động 15 người trở lên.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 100%;
- Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 100% trở lên.
- Giữ vững xã đạt chuẩn vệ sinh ATTP.
- Xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

### **5.3 Quốc phòng - an ninh**

- Xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu; Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2021.
- 100% khu dân cư an toàn về an ninh trật tự.

### **5.4 Xây dựng nông thôn mới**

23. Tập trung chỉ đạo 2 thôn Cát Thịnh, Phú Vân đạt chuẩn nông thôn mới, xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2021.

### **5.5. Về môi trường**

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 75%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%; Trong đó tỷ lệ dân số được dùng nước sạch 70% trở lên.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2025: 100%

## **VI. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ**

### **6.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản.**

#### *a/ Vị trí, quy mô:*

Các công trình công cộng, trụ sở cơ quan đã xây dựng cần được chỉnh trang, cải tạo, mở rộng diện tích để tạo bộ mặt kiến trúc công trình hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển sau này, tăng tỷ lệ vườn hoa, cây xanh, trong khuôn viên...

- Công sở xã Cát Tân: Đã được đầu tư xây mới gồm các hạng mục: Trụ sở làm việc, hội trường - Nhà văn hóa... Trong kỳ quy hoạch tới cần được chỉnh trang, nâng cấp trang thiết bị cùng các hạng mục công trình công cộng khác có liên quan (Trung tâm văn hóa xã, khu vui chơi, nhà thi đấu, Bưu điện, đài tưởng niệm liệt sĩ...), đưa vào bố trí sử dụng các phòng làm việc chức năng phù hợp. Diện tích khoảng: 0.59 ha.

- Trạm y tế: Diện tích trạm y tế xã hiện nay đủ theo tiêu chuẩn, do đó vẫn giữ nguyên vị trí cũ với diện tích 0.32ha. Đầu tư trang thiết bị đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao vào năm 2021.

- Cơ quan quân sự : Xây dựng mới trụ sở Công an, Xã đội bố trí khuôn viên tại trung tâm xã đối diện Công sở xã trên QL45. Diện tích: 0.31ha.

- Đất giáo dục cấp xã: ổn định vị trí trường Tiểu học, THCS và trường Mầm non xã và các khu lẻ ( Tiểu học và mầm non) tại vị trí hiện nay; Quy hoạch mở rộng cải tạo chỉnh trang đáp ứng tiêu chuẩn ngành và đáp ứng các yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Tổng đất giáo dục cấp xã là: 2.19ha.

- Đất Văn hóa - TDTT:

+ Xây dựng mới trung tâm thể dục thể thao tại khu trung tâm xã phục vụ hoạt động luyện tập, thi đấu phong trào, là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa - Thể thao của xã. Có quy mô sân bóng đá cơ bản. Diện tích khu đất: 1,35ha.

+ Khu công viên vui chơi, giải trí và nhà thi đấu đa năng giáp với sân vận động xã có diện tích 0,24ha

+ Xây dựng nhà văn hóa khu thể thao tại các thôn bao gồm nhà văn hóa, khu thể thao đảm bảo tiêu chí NTM. Tổng diện tích đất trung tâm văn hóa TT các thôn 1.35 ha.

+ Xây dựng mới khu Đài tưởng niệm liệt sỹ vị trí bên cạnh khu công sở xã. Diện tích 0,1 ha

*b/ Định hướng Kiến trúc:*

Định hướng Kiến trúc công trình công cộng, dịch vụ: Phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư.

Hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung. Một số công trình như nhà văn hoá, công sở xã, khu TDTT,... không những phải thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao mà cũng phải thể hiện kiến trúc đậm đà sắc thái tiêu biểu của địa phương.

**6.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản cũ.**

*a. Các chỉ tiêu:*

- Khu dân cư phát triển mới: Hình thành các khu dân cư mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã.

Tổng diện tích đất ở tại nông thôn là: 62.44ha, trong đó đất ở hiện trạng là 55,53, đất ở mới là: 6.91ha. Mật độ xây dựng tối đa 80%; Tầng cao từ 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 2 lần.

- Dân cư hiện trạng: Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dần chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn bản theo tiêu chí thôn, bản nông thôn mới vào năm 2021, nông

thôn mới nâng cao năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí trái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

*b. Hình thức kiến trúc các công trình nhà ở*

Hình thức kiến trúc các công trình xây dựng nhà ở phải hài hòa với tổng thể không gian chung toàn khu, chú ý khai thác yếu tố kiến trúc mang sắc thái địa phương; Khuyến khích thiết kế hài hòa với sân vườn và cảnh quan thiên nhiên và điều kiện khí hậu.

Hàng rào công trình: Cao tối đa không quá 1.5m, không xây kín, yêu cầu thiết kế thoáng, khuyến khích sử dụng cây xanh để làm hàng rào.

Vật liệu xây dựng của các công trình: Phù hợp với công năng sử dụng, khuyến khích sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương, vật liệu trang trí bề mặt công trình phải hài hòa với tổng thể không gian chung;

**6.3. Tổ chức các khu vực sản xuất:** (Tiêu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề và phục vụ sản xuất nông nghiệp...) dịch vụ và các khu vực đặc thù khác.

*a/ Hệ thống khu sản xuất, kinh doanh;*

Quy hoạch 01 khu đất sản xuất kinh doanh (Đất Công nghiệp - Làng nghề tập trung) trên đất rừng sản xuất tại thôn Cát Xuân. Nhằm thu hút đầu tư, tạo việc làm cho lao động địa phương. Đây là khu chế biến lâm sản, mộc gia dụng, nông sản, VLXD, vận tải...vv từ nguồn nguyên liệu tại địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và khu vực. Tổng diện tích đất sản xuất kinh doanh là: 18 ha.

Ngoài ra, tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, nấu rượu, đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

## VII. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### **7.1. Hệ thống trung tâm xã;**

Khu vực trung tâm xã được ổn định tại vị trí thôn Cát Xuân như hiện nay với hệ thống các công trình: Công sở xã; trạm Y tế; Trường tiểu học và THCS; Trường mầm non; Trụ sở Công an xã; Điểm bưu điện văn hóa xã.... Trên trục QL45

### **7.2. Hệ thống thôn, bản, các khu dân cư tập trung;**

Đến năm 2025, ổn định cơ cấu xã Cát Tân với 05 thôn như hiện nay gồm: Thôn Cát Xuân, Cát Lợi, Thanh Vân Cát Thịnh, và thôn Phụ Vân.

Các công trình hạ tầng xã hội: Nhà văn hóa thôn; khu thể thao... một số điểm trường Mầm non, Tiểu học... được bố trí phù hợp với tính chất, quy mô của từng thôn theo các định hướng về thôn, bản nông thôn mới quy định tại quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 21/08/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2020

Dân cư hiện trạng: Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dân chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn bản theo tiêu chí thôn nông thôn mới vào năm 2021, nông thôn mới nâng cao năm 2025. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: Hình thành các khu dân cư mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã và dọc tuyến giao thông mới. Các lô đất là đất trồng cây lâu năm, hàng năm, đất trồng lúa năng suất thấp, bấp bênh...

Tổng diện tích 6,91 ha gồm 21 lô.

### **7.3. Hệ thống khu sản xuất;**

Quy hoạch 01 khu đất sản xuất kinh doanh (Đất Công nghiệp - Làng nghề tập trung) hiện nay là đất rừng sản xuất tại thôn Cát Xuân. Nhằm thu hút đầu tư, tạo việc làm cho lao động địa phương. Đây là khu chế biến Nông, lâm sản, mộc gia dụng, VLXD, vận tải...vv từ nguồn nguyên liệu tại địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và khu vực. Tổng diện tích đất sản xuất kinh doanh là: 18 ha.

Ngoài ra, tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, nấu rượu, đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

### **7.4. Các khu vực có khả năng phát triển,**

Các khu đất cao, không bị ngập lụt, các khu vực đất xen kẽ hiện có trong các khu dân cư hiện trạng. Đặc biệt khu vực trung tâm xã (thôn Cát Lợi, Cát Xuân, dọc theo QL45) nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất. Các khu vực đất trồng màu, đất lúa 1 vụ năng suất thấp, bấp bênh.

**7.5. Các khu vực hạn chế phát triển; Các khu vực cấm xây dựng; khu đặc thù;**

Gồm các khu vực thuộc hành lang mở rộng các tuyến giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Hành lang thoát lũ, các khu vực ven suối. Hạn chế tối thiểu việc phát triển, xây dựng các công trình trên đất lúa 2 vụ.

Đối với các khu vực này, tất cả các công trình dự kiến đầu tư xây dựng đều phải lập hồ sơ xin phép các cấp chính quyền theo quy định của Pháp luật.

**7.6. Các các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng.**

Bãi rác: Rác thải sinh hoạt sẽ được tập kết và vận chuyển về khu xử lý theo quy hoạch của huyện.

Nghĩa địa: giai đoạn 2021-2025 ổn định các vị trí nghĩa trang hiện có tại các thôn trong xã. Giai đoạn 2026-2030 cả xã chỉ quy hoạch 1 nghĩa trang chung tại khu vực thôn Phú Vân. Khuyến khích thực hiện hình thức hỏa táng.

**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Thông tư số: 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn)

STT	TÊN LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG (ha)	QUY HOẠCH (ha)	
				2021-2025 (ha)	20226 -2030 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)		
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>1.589,90</b>	<b>1.589,90</b>	<b>1.589,90</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.441,39</b>	<b>1.401,59</b>	<b>1.379,14</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	345,73	334,43	323,13
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	150,55	144,05	137,55
	- Đất trồng lúa	LUA	104,72	100,72	96,72
	- Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	45,83	43,33	40,83
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	195,18	190,38	185,58
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	1.031,90	1.015,20	1.005,90
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	1.041,90	1.023,90	1.005,90
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	53,76	51,96	50,11
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>142,70</b>	<b>175,28</b>	<b>197,73</b>
2.1	Đất ở	OCT	55,35	58,80	62,26
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	55,35	58,80	62,26
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	61,19	108,15	108,15
2.2.1	Đất giao thông	DGT	39,50	68,42	68,42
2.2.2	Đất thủy lợi	DTL	15,44	15,44	15,44
2.2.3	Đất công trình năng lượng	DNL			
2.2.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,02	0,02	0,02

2.2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,76	0,59	0,59
2.2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,23	0,23	18,23
2.2.7	Đất cơ sở văn hoá thể thao	DVH	2,82	2,82	2,94
2.2.8	Đất cơ sở y tế	DYT	0,32	0,32	0,32
2.2.9	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	2,10	2,19	2,19
2.3	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05	0,03	0,03
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	5,23	5,23	6,23
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	12,48	12,48	12,48
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8,17	8,17	8,17
2.7	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,23	0,23	0,23
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>13,03</b>	<b>13,03</b>	<b>13,03</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	3,03	3,03	3,03
3.2	Núi đá không có rừng cây	NCS	10,00	10,00	10,00

## VIII. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 8.1. Quy hoạch giao thông:

#### a) Cơ sở thiết kế:

- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo QĐ số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017.

- Thông tư 02/2017/TT-BXD hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- QCVN 01:2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

#### b) Nguyên tắc thiết kế:

- Hệ thống đường giao thông trong khu vực quy hoạch là các tuyến đường quy hoạch bao quanh các cụm công trình đã phân khu theo quy hoạch. Khớp nối mạng đường khu vực dự án với mạng đường đã đồng thời tạo mối liên hệ với khu vực ở của dân cư cũ.

- Hệ thống giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải, liên hệ tốt giữa trong và ngoài khu vực lập quy hoạch.

- Thiết kế quy hoạch giao thông đảm bảo các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn quy phạm và đảm bảo mức đầu tư phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất.

#### c) Giải pháp thiết kế:

- Theo thông báo tại công văn số 558/UBND-KTHT ngày 05/4/2021 của UBND huyện Như Xuân về việc tăng cường quản lý, bảo vệ hành lang ATGT đường bộ trên địa bàn huyện Như Xuân.

Giải pháp thiết kế hệ thống giao thông trên địa bàn xã Cát Tân như sau:

#### ◇ Giao thông đối ngoại

- Đường QL45: kết nối từ thị trấn Yên Cát đi xã Thanh Quân, l = 4,8km vừa là trục giao thông đối ngoại vừa là trục trung tâm xã có lộ giới theo quy mô quy hoạch là đường cấp III. Hành lang ATGT phạm vi cấm cọc từ tìm đường ra mỗi



bên 19,5m. Mặt cắt 4-4

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường 9,0m; hè rãnh thoát nước mỗi bên 5,0m và hành lang ATGT mỗi bên 19,5m.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 9,0m; hè, rãnh thoát nước và taluy mỗi bên 6,5m. hành lang ATGT mỗi bên 19,5m.;

Tuyến Cơ động QP: Cát Lợi đi Cát Thịnh đi huyện Thường Xuân l = 5.35km. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 19.5m. Mặt cắt 4-4

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường 7.5m; hè đường và rãnh thoát nước mỗi bên 5 m

Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 7.5m; hè đường nước mỗi bên 4.5m; rãnh thoát nước và taluy mỗi bên 1,5m.

- Đường Liên xã : gồm 2 tuyến thiết kế đường nhựa:

+ Tuyến Phụ Vân đi Thượng Ninh, l = 3.85km. Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 9,2. Mặt cắt 2-2.

Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường 5.5m; hè đường và rãnh thoát nước mỗi bên 3m

Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 5.5m; hè đường nước mỗi bên 2m; rãnh thoát nước và taluy mỗi bên 1,5m.

+ Tuyến Yên Cát đi Cát Vân (đi qua thôn Thanh Vân xã Cát Tân) l = 2.55km , Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên 9,2. Mặt cắt 2-2.

Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường 5.5m; hè đường và rãnh thoát nước mỗi bên 3m

Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 5.5m; hè đường nước mỗi bên 2m; rãnh thoát nước và taluy mỗi bên 1,5m.

Giao thông nội thôn nội đồng: tổng chiều dài 21,55km

Mặt cắt 3-3. Hành lang ATGT chung cho các tuyến từ tim đường ra mỗi bên 5m. Mặt đường 3.5m; hè đường và rãnh thoát nước mỗi bên 3m

Tổng diện tích đất giao thông: 68,42 ha

### **Đường Liên Thôn:**

TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (m)			Chiều rộng (m)		Chiều dài rãnh thoát nước (m)	Ghi chú
		Toàn tuyến	Bê tông hóa	Nhựa hóa	Nền đường (m)	Mặt đường cứng hóa (m)		
1	Thôn Cát Xuân đi thôn Thanh Vân	2,000	2,000		5	3	2,000	

2	Thôn Cát Xuân đi thôn Thanh Vân	2,000		2,000	5.0	3.5	2,000	
3	Thôn Cát Lợi đi thôn Thanh Vân	2,000	1,300		5.0	3.0	1,300	
4	Thôn Cát Lợi đi thôn Thanh Vân	3,000	3,000		5.0	3.0	3,000	
	Đập Đồng Man đi Đập Cây Phay	2,500			5.0	3.0		
5	Thôn Cát Lợi đi xã Thượng Ninh	1,000			5.0	4.0		
		<b>12,500</b>	<b>6,300</b>	<b>2,000</b>			<b>8,300</b>	

- Đường ngõ xóm

TT	Tên tuyến đường (Điểm đầu và điểm cuối)	Chiều dài (m)			Chiều rộng (m)		Chiều dài rãnh thoát nước (m)	Ghi chú
		Toàn tuyến	Bê tông hóa	Nhựa hóa	Rộng nền (m)	Rộng mặt cứng hóa (m)		
<b>I</b>	<b>Thôn Cát Xuân</b>							
1	Ngã ba ông Tý đi Ngã ba Ông Hà	210	210		5	3	210	
2	Ông Hoan đi Ông Duy	40	40		5	3	40	
3	Cầu ông Hà đi Ông Khương	400			5	3		
4	Ông Dinh đi Ông Thương	100	100		5	3	100	
5	Bà Loan đi Đập Cây Phay	390	390		5	3	390	
6	Ông Chính đi Ông Học	80	80		5	3	80	
7	Ông Hùng đi bà Bình	150	150		5	3	150	
8	Anh Minh đi Ao Ông Muôn	450	450		5	3	450	
9	Ông Thiên đi Ông Lĩnh	800	800		5	3	800	
<b>II</b>	<b>Thôn Cát Lợi</b>							
1	ông Thái đi Anh Hưng	180	180		5	3	180	
2	Ông Vinh đi bà Nhung	500	500		5	3	500	
3	Ông Giáp đi Ao Bông Bụt	1000	1000		5	3	1000	t
4	Bà Châu đi bà Đức	120	120		5	3	120	

5	Ông Thực đi Giếng Hung	120	120		5	3	120	
6	Ông Quy đi Nghĩa địa	300	300		5	3	300	
7	Anh Hưng đi Bà Ngoạt	120	120		5	3	120	
<b>III</b>	<b>Thôn Thanh Vân</b>							
1	Ông Sơn đi Ông Huyền	210	210		5	3	210	
2	Ông Vũ đi Bà Quýt	80			5	3		
3	Ông Thao đi Anh Trung	190	190		5	3	190	
4	Ông Sinh đi Bà Vải	100			5	3		
5	Đường xã đi Bà Quy	100	100		5	3	100	
6	Đường xã đi Bà Huệ	120	120		5	3	120	
<b>IV</b>	<b>Thôn Phụ Vân</b>							
1	Đường xã đi Ông Thụ	300	300		4	3	300	
2	Đường xã đi Ông Bảy	150	150		4	3	150	
<b>V</b>	<b>Thôn Cát Thịnh</b>							
1	Ông Lương đi Ông ty	550	550		5	3	550	
2	Anh Hùng đi Anh Hòa	100	100		5	3	100	
3	Anh Diệm đi Anh Hải	100	100		5	3	100	
4	Ông Triệu đi Ông Minh	100			5	3		
5	Cầu Anh Chính đi Anh Tâm	180			5	3		
	<b>Cộng</b>	<b>7,240</b>	<b>6,380</b>				<b>6,380</b>	

- Đường nội đồng

TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (m)			Chiều rộng (m)		Chiều dài rãnh thoát nước (m)	Ghi chú
		Toàn tuyến	Bê tông hóa	Nhựa hóa	Rộng nền (m)	Rộng mặt cứng hóa (m)		
<b>I</b>	<b>Thôn Cát Xuân</b>							
3	Ông Cường đi Ông Đào	170	170		5	3	170	
5	Ông Vương đi Ông Trung	100			5	3		
<b>II</b>	<b>Thôn Cát Lợi</b>							
2	Ông Minh đi Ông sáng	100	100		5	3	100	
3	Anh Hồng đi Anh Huy	500	500		5	3	500	
<b>III</b>	<b>Thôn Thanh Vân</b>							
6	Đường xã đi Nghĩa Địa	120	120		5	3	120	
7	Trường tiểu học đi Đập Lớn	370	370		5	3	370	

8	Ông Lâm đi Đồng Quan	200			5	3		
<b>IV</b>	<b>Thôn Cát Thịnh</b>							
4	Ông Hà đi Anh Trọng	250	250		5	3	250	
	<b>Cộng</b>	<b>1,810</b>	<b>1,510</b>				<b>1,510</b>	

◇ Kết cấu mặt đường:

Mặt đường 3.5m; hè đường nước mỗi bên 2m; rãnh thoát nước và taluy mỗi bên 1,5m.

Các tuyến đường sẽ được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Cụ thể được lựa chọn đối với từng dự án cụ thể.

## 8.2. Quy hoạch san nền thoát nước.

a) Giải pháp san nền:

- Đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình.

- Đảm bảo kết nối giao thông đi lại thuận tiện, an toàn;

- Thuận lợi cho việc thoát nước nhanh và không gây xói lở nền đường nền công trình; Không gây ngập úng cục bộ cho các khu vực lân cận;

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp và ít tác động nhất đến cảnh quan thiên nhiên.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng thấp nhất.

- Các tuyến đường quy hoạch mới sẽ có cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng các tuyến đường hiện có.

b) Thoát nước mưa:

- Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có.

- Bổ sung mạng lưới mương hở, mương nắp đan chạy dọc theo hệ thống đường giao thông thu nước từ các sườn đồi, sườn dốc và nền của các công trình thoát ra cống ngang đường được đặt tại các vệt tụ thủy sau đó thoát ra hệ thống khe, suối nhỏ hiện có rồi được thoát về các khe suối trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm tiết diện cống, giảm chiều sâu chôn cống.

- Hệ thống thoát nước dùng hệ thống rãnh nắp đan và mương hở có kích thước từ B400-B1000.

- Một số cống đặt tại vị trí công ngang đường sử dụng cống hộp có kích thước từ B1000 – B2000.

\* Tính toán mạng lưới thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa khu đất được tính toán theo TCVN 7957:2008.

\* Lưu lượng tính toán nước mưa xác định theo công thức:

$$Q = q.C.F$$

Trong đó:

C: Hệ số dòng chảy

F: Diện tích lưu vực (ha)

q: Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức.

$$q = \frac{A.(1 + C \lg P)}{(t + b)^n} \quad (\text{l/s/ha}).$$

Trong đó:

A, C, b, n - tham số, phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, xác định theo số liệu thống kê. Đối với dự án thuộc Thanh Hóa thì A= 3640; b=19; C=0.53; n=0.72

P: Chu kỳ lặp lại của mưa (năm);

t- thời gian mưa tính toán hay thời gian giọt mưa rơi xuống trong lưu vực tính toán chảy đến tiết diện tính toán.  $t = t_0 + t_r$

$t_0$ - Thời gian nước mưa chảy trên bề mặt đến rãnh (5-10 phút).

$t_r$  - thời gian nước chảy theo rãnh đường đến giếng thu.

$$t_r = \frac{0.017 \sum \frac{l_r}{v_r}}$$

Trong đó:

$l_r$  - Chiều dài của đoạn tính toán (m)

$v_r$  - tốc độ nước chảy trong rãnh (m/s)

\* Lưu lượng thiết kế được tính theo công thức Manning:

$$Q_{tk} = \frac{1000}{n} \times A \times R^{2/3} \times I^{1/2} \quad (\text{l/s}).$$

Trong đó:

n: Hệ số nhám Manning

A: Tiết diện cống

I: Độ dốc thủy lực

R: Bán kính thủy lực

$$R = \frac{\omega}{\chi} \quad (\text{l/s}).$$

Trong đó:

$\omega$  : Tiết diện ướt

$\chi$  : Chu vi ướt

\* Để đảm bảo thoát nước:  $Q_{tt} \leq Q_{tk}$ .

### 8.3. Quy hoạch cấp nước.

#### a) Các yêu cầu và tiêu chuẩn áp dụng

- Tính toán hệ thống cấp nước sinh hoạt điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo cấp nước cho các giai đoạn qui hoạch ngắn hạn là 10 năm và dài hạn là 20 năm; phải thoả mãn các yêu cầu ăn uống, sinh hoạt, chăn nuôi gia cầm, gia súc; sản xuất chế biến nông sản và các ngành sản xuất công nghiệp khác.

- Cần bố trí trạm cấp nước tập Trung gần các nguồn nước (nước mặt, nước ngầm), đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước như sau:

+ Có trang thiết bị vệ sinh và mạng lưới đường ống cấp thoát nước:  $\geq 80$  lít/người/ngày;

+ Có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình:  $\geq 80$  lít/người/ngày;

+ Sử dụng vòi nước công cộng:  $\geq 40$  lít/người/ngày.

- Chất lượng nguồn nước phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đối với nguồn nước mặt: phù hợp với quy định trong QCVN 08: 2008/BTNMT- Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước mặt;

- Đối với nguồn nước ngầm: phù hợp với quy định trong QCVN 09: 2008/BTNMT- Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước ngầm.

- Quy định khoảng cách ly vệ sinh để bảo vệ nguồn nước: Đối với nguồn nước ngầm, trong phạm vi bán kính 20m tính từ giếng, không được xây dựng các công trình làm nhiễm bẩn nguồn nước. Đối với các giếng nước công cộng, phải chọn nơi có nguồn nước tốt, xây thành giếng cao và lát xung quanh. Đối với nguồn nước mặt, trong khoảng 200m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100m về phía hạ lưu, không được xây dựng các công trình gây ô nhiễm nguồn nước.

STT	Đối tượng	Dự báo nhu cầu cấp nước				CS cấp nước (m <sup>3</sup> /ngđ)
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>(1+2+3)</b>				<b>318.8</b>
1	Dân cư	3,300.0	người	80.00	l/ng.ngđ	264.0
2	Công trình công cộng, dịch vụ	1 x 15%				39.6
3	Dự phòng, rò rỉ	(1+2) x 5%				15.18
<b>II</b>	<b>Sản xuất kinh doanh</b>	40 x 18 x 70%				<b>504.0</b>

### b) Định hướng hệ thống cấp nước.

Trên cơ sở hiện trạng, là xã miền núi, điều kiện địa hình tương đối phức tạp, đối với Cát Tân sử dụng nguồn nước mặt khe suối, nước từ các hồ đập và nước ngầm được sử lý để cấp nước cho sinh hoạt cho từng thôn và sản xuất. Dự kiến toàn xã đến 2025, 45% dân được sử dụng nước sạch được lấy từ nhà máy nước xây dựng tại xã Cát Vân.

Quy hoạch lựa chọn vị trí thích hợp đặt hệ thống mạng lưới cấp nước cho từng thôn được xác định cụ thể khi lập dự án.

Khu công nghiệp làng nghề được cấp theo dự án riêng.

### 8.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

#### a) Thoát nước thải:

<> Đối tượng thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước thải từ các nhà hàng, dịch vụ, công trình nhà hàng khách sạn... phục vụ du lịch và các hoạt động khác, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

<> Phương án thiết kế

- Đặc điểm của nước thải sinh hoạt gồm 2 loại:
  - + Nước thải nhiễm bẩn do chất bài tiết của con người từ các phòng vệ sinh.
  - + Nước thải nhiễm bẩn do các chất thải sinh hoạt: Cặn bã, dầu mỡ từ nhà bếp, các chất tẩy rửa, các chất hoạt động bề mặt từ các phòng tắm, nước rửa vệ sinh sàn nhà.
- Đầu tư xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.
- Đối với khu vực đất dịch vụ thương mại và cơ sở kinh doanh sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước mưa, hoặc tận dụng tưới cây,.....

#### b) Chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc người dân sẽ tự vận chuyển rác đến khu vực gom rác để tập kết. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn và rác xử lý từ các thùng rác này vận chuyển đến bãi chôn lấp và xử lý rác tập trung theo quy hoạch của huyện Như Xuân.
- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60 lít đến 660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa

các thùng từ 50 - 100m.

### 9.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

a) Nguyên tắc thiết kế:

- Xây dựng các tuyến cáp trung thế và các công trình cấp điện cho khu vực xây dựng mới phù hợp mạng lưới các tuyến trung thế đã xây dựng và định hướng quy hoạch của ngành điện.

b) Chỉ tiêu cấp điện:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt đạt tối thiểu: 150W/người.

c) Dự báo nhu cầu phụ tải

<b>Bảng Dự Báo Nhu Cầu Sử Dụng Điện Cát Tân</b>								
STT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2030						CS cấp điện (KVA)
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		HS công suất	HS đồng thời	
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị			
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>I+2</b>						<b>698.8</b>
1	Dân cư	3,300.0	người	150.00	W/người	0.85	0.75	436.8
2	Công trình công cộng, dịch vụ	2a x		60%				262.1
<b>II</b>	<b>Sản xuất kinh doanh</b>	<b>18.00</b>	<b>ha</b>	<b>50</b>	<b>KW/ha</b>	<b>0.85</b>	<b>0.80</b>	<b>847.1</b>
<b>III</b>	<b>Tổng</b>	<b>I+II</b>						<b>1,545.9</b>

Tổng nhu cầu sử dụng điện của toàn xã Cát Tân: 1.545KVA.

d) Nguồn cung cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho xã được cấp từ đường điện trung áp 35Kv hiện có

e) Lưới điện trung áp:

- Các tuyến điện trung áp 35KV sẽ được cải dịch một số vị trí cột qua khu trung tâm xã.

- Xây dựng tuyến điện trung áp 35KV mới đầu nối từ đường dây 35kv cấp điện cho trạm biến áp Cát Tân 06 xây dựng mới phục vụ nhu cầu dân cư khu vực phía nam thôn Cát Xuân và thôn Thanh Tân.

f) Trạm biến áp:

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của khu vực nghiên cứu đề xuất xây dựng mới 02 trạm biến áp công suất 50KVA-35/0,4. 1 trạm phục vụ nhu cầu dân cư khu vực phía nam thôn Cát Xuân và thôn Thanh Tân; 1 trạm phục vụ cho thôn Phụ Vân. Đề nghị chuyển trạm Cát Tân 3 (Phụ Vân) lùi về thôn Cát Lợi để đảm bảo bán kính cấp điện cho các phụ tải  $\leq 800$ ,m.



- Đối với 05 trạm biến áp hiện có đề xuất nâng cấp công suất cung cấp điện cho khực dân cư, công trình hiện hữu và các công trình phát triển mới.

- Cụ thể nâng cấp công suất trạm biến áp hiện có như sau:

STT	TRÊN TRẠM BIẾN ÁP	CÔNG SUẤT HIỆN TRẠNG (KVA)	CÔNG SUẤT NÂNG CẤP (KVA)
1		180	180
2	Cát Tân 02	100	180
3	Cát Tân 03 (Cải dịch)	50	50
4	Cát Tân 04	50	50
5	Cát Tân 05	100	100
6	Cát Tân 06 - xây dựng mới		50
7	Cát Tân 07 - xây dựng mới		50
	Tổng công suất		660

g) Điện chiếu sáng: xây dựng hệ thống chiếu sáng đến các ngõ xóm, thôn.

- Điện cấp cho khu CN - làng nghề được lắp đặt tính toán do chủ đầu tư.

## IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

### 9.1. Mục tiêu đánh giá tác động môi trường:

Khu vực xã Cát Tân là vùng miền núi, cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố cảnh quan môi trường còn trong lành. Đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực quy hoạch và đánh giá sơ bộ những tác động đến môi trường và kinh tế xã hội xung quanh do việc thực hiện đồ án quy hoạch, từ đó đưa ra những biện pháp giảm nhẹ các tác động bất lợi để hài hoà giữa yêu cầu phát triển kinh tế du lịch với nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Việc đánh giá những ảnh hưởng của môi trường khu vực xã Cát Tân cũng như vùng sinh thủy của các khe suối trong quá trình thực hiện đồ án là rất quan trọng, đảm bảo một đô thị phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

### 9.2. Dự báo các tác động đến môi trường:

#### \* *Tình hình hiện trạng môi trường trong khu vực nghiên cứu:*

Đây là khu vực có môi trường thuận lợi, không có các nguồn gây ô nhiễm môi trường lớn tác động. Tuy nhiên, trong khu vực đang bị ô nhiễm do các chất thải sinh hoạt của dân cư, hoạt động nông nghiệp với các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, chưa được xử lý kịp thời, hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng được tốc độ phát triển.

Lượng rác thải, chất thải vô cơ và hữu cơ (vỏ chai, lon nước, thùng giấy, nước thải, thức ăn thừa...) được thải ra trong quá trình hoạt động sống của cộng đồng dân cư, khách du lịch là rất lớn, khó quản lý khiến việc xử lý gặp nhiều khó khăn.

**\* Dự báo:**

**- Tác động của dự án đối với môi trường tự nhiên**

Căn cứ vào vị trí địa lý, cơ cấu sử dụng đất, quy mô xây dựng và các giải pháp xử lý chất thải, nhìn chung việc xây dựng và phát triển khu vực xã Cát Tân có tác động nhất định đến môi trường không khí, đất, nước và gây tiếng ồn.

Quá trình xây dựng sẽ dẫn đến sự gia tăng các chất thải. Việc thu gom và xử lý không triệt để có thể gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

Việc chuyển đổi chức năng sử dụng đất từ đất ở, đất sản xuất nông nghiệp. Đồng thời với quá trình này là quy trình san nền, tạo mặt bằng xây dựng các công trình làm thay đổi khí hậu và thủy văn.

Quá trình xây dựng các công trình chức năng trong khu du lịch và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, sẽ phát sinh ra bụi, tiếng ồn, ứ đọng nước thải, rác thải.

Nhìn chung việc xây dựng và phát triển khu vực xã Cát Tân một mặt có tác động xấu tới môi trường tự nhiên khi thi công, mặt khác sẽ tạo một môi trường tốt hơn khi vận hành. Do đó việc xây dựng cần thực hiện theo quy hoạch, xây dựng đồng bộ, hạn chế tối đa các yếu tố bất lợi cho môi trường.

**- Tác động của dự án đối với môi trường xã hội**

Thực hiện quy hoạch có tác động tới môi trường xã hội khu vực, nâng cao điều kiện tiện ích đời sống của nhân dân khu vực và vùng, lưu giữ và tái hiện tính đa dạng văn hoá, phong tục của nhân dân, tạo ra công ăn việc làm mới...

Để thực hiện tốt quy hoạch đòi hỏi phải thực hiện tốt việc tái định cư và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, kinh tế cho người dân phải di dời, người dân mất đất canh tác trồng trọt.

**- Hiệu quả của đồ án.**

- Làm căn cứ xây dựng và thực hiện các kế hoạch, dự án đầu tư theo quy hoạch được duyệt phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Như Xuân và tỉnh Thanh Hóa.

**9.3. Đánh giá tác động chính và giải pháp giảm thiểu:**

**\* Môi trường không khí**

**+ Bụi:**

Việc san lấp mặt bằng đòi hỏi một số lượng lớn xe, máy thi công và xe chở nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu từ ngoài vào do đó nguồn bụi phát sinh:

- San ủi mặt bằng;
- Các phương tiện xe, máy;
- Vật liệu rơi vãi từ các xe chuyên chở.

**+ Không khí:**

- Ô nhiễm môi trường không khí từ các tuyến giao thông là đáng kể.
- Các tác động trong khi vận hành các phương tiện, máy móc, và các sinh hoạt thường ngày của con người sẽ thải ra khí CO, CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>, X<sub>x</sub>H<sub>y</sub> và bụi cát, đất đá rơi vãi phát sinh do các hoạt động của các phương tiện giao thông. Lượng khí thải và bụi phụ thuộc vào các loại xe, máy hoạt động trong khu vực.

**+ Tiếng ồn:**

- Ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện cơ giới, máy xây dựng (búa máy, trộn bê tông), từ các phương tiện vận tải chuyên chở khi thi công dự án. Độ ồn phụ thuộc vào loại xe, máy móc và tình trạng kỹ thuật của chúng. Trong khuôn khổ báo cáo này mức ồn cụ thể của từng loại máy móc không nêu ra nhưng thông thường độ ồn của các xe, máy hạng nặng khoảng 100 dB.

- Khi vận hành khu du lịch một số dịch vụ sẽ gây tiếng ồn như: khu vui chơi giải trí ngoài trời, với các lễ hội dân gian, khu trung tâm tổ chức sự kiện...vv cần bố trí trồng nhiều cây xanh và vị trí xây dựng thích hợp để giảm thiểu tiếng ồn.

+ **Nhiệt:** Nguồn nhiệt gây ô nhiễm do hoạt động của các loại máy móc, đốt nhiên liệu.

**\* Dự báo các tác động của ô nhiễm không khí, tiếng ồn và nhiệt:**

Các nguồn ô nhiễm trên tùy theo mức độ đều gây tác động không tốt tới sức khỏe con người, động thực vật xung quanh.

- Các chất khí SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> khi có nồng độ cao đều gây tác động xấu tới hệ hô hấp, hệ thần kinh và tim mạch của con người và động thực vật.

- Khói, bụi phát sinh làm ảnh hưởng xấu tới sự hô hấp quang hợp của động thực vật nói chung.

- Các chất thải như SO<sub>x</sub>, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> khi gặp khí ẩm, gặp nước tạo nên các loại axit có khả năng xâm hại kết cấu công trình và máy móc.

**\* Các giải pháp bảo vệ:**

Để giảm lượng bụi, khí độc và tiếng ồn khi triển khai các dự án theo quy hoạch chung được duyệt, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đặc biệt chú trọng việc trồng cây xanh và lựa chọn loại cây cũng như mật độ phù hợp sẽ giảm thiểu rất nhiều các tác động trên.

- Xây dựng khu du lịch với các tuyến đường xanh, thân thiện như lát đá, thảm hoa, cây xanh và các trang trí khác.

- Sử dụng xe, máy thi công có tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo.

- Khuyến khích việc sử dụng xe điện, xe nguyên liệu sạch làm phương tiện di chuyển trong khi vận hành khu vực.

- Xây dựng các hệ thống thoát nước kín, chất thải rắn, hữu cơ cần được thu gom bằng thùng, túi nilông kín gom về các điểm thu gom xử lý, hạn chế mùi hôi, khí độc thải vào không khí.

- Có biện pháp che chắn phủ bạt đối với các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu, nhiên liệu, che chắn cách ly giữa khu vực san ủi đối với khu vực xung quanh bằng các hàng rào bạt. Trồng cây xanh để hạn chế sự lan toả của bụi, khí thải và tiếng ồn. Các công viên, vườn hoa góp phần cải tạo không khí.

- Bố trí các nhà vệ sinh công cộng tạm thời trên các công trường.

- Phun nước làm ẩm mặt đất khi san ủi để giảm lượng bụi cuốn theo gió và phân tán trong khu vực.

#### ***Môi trường nước:***

- Nước ngầm trong khu vực được khai thác thiếu hợp lý sẽ có nhiều khả năng làm suy giảm nguồn nước ngầm tại chỗ.

- Nước thải từ khu vực gồm nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải khu xây dựng, có thể tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh như:

+ Nước mưa:

Nước mưa chảy tràn từ khu vực đang xây dựng mang theo một khối lượng bùn đất lẫn dầu mỡ rơi vãi từ các phương tiện cơ giới và các tạp chất khác.

+ Nước thải:

Trong nước thải sinh hoạt từ khu khách sạn, biệt thự, vila... có chứa một số chất bẩn chủ yếu sau: Chất lơ lửng (SS) khoảng 40-55g người/ngày,  $\text{NOS}_5$  của nước đã lắng khoảng 25-30g/ngày – người,  $\text{NOS}_{\text{ht}}$  của nước đã lắng khoảng 30-35g/ người - ngày, các chất Nitrogen tổng cộng P- $\text{PO}_4$ , Clo...trong nước thải còn kèm theo các chất rắn, rắn vô cơ, dầu mỡ, kiềm, nitơ, photpho, một số vi khuẩn như Colirm, gaecal. Vì vậy nước thải sinh hoạt có thể gây ô nhiễm nguồn nước bởi các chất hữu cơ và vi khuẩn.

Nước thải không được xử lý kịp thời sẽ gây ô nhiễm đến môi trường xung quanh, nguồn nước ngầm khu vực khu vực xã Cát Tân do vậy có thể là nguồn phát sinh các dịch bệnh do vi trùng, vi rút, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và cảnh quan khu vực.

#### ***\* Giải pháp giảm ô nhiễm tới nguồn nước có thể thực hiện như sau:***

- Nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý đảm bảo đáp ứng mọi chỉ tiêu bảo vệ môi trường theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam như: Nhiệt độ < 40<sup>0</sup>C, PH: 5 - 9%, BOD5: 50mg/l, COD: 100 mg/l, Colirm: 10.000/1001, chất lơ lửng: 100 mg/l.

Thiết kế và sử dụng các hố xí, bể phốt hợp vệ sinh sẽ làm giảm các chất ô

nhiệm nói trên trong nước thải sinh hoạt.

#### ***Môi trường đất và cảnh quan:***

- Việc san ủi làm thay đổi dòng chảy của nước mặt, do đó sẽ ảnh hưởng tới một số vùng đất xung quanh nên giải pháp về thoát nước cần được tính toán hợp lý phù hợp với quy hoạch các khu chức năng đã xác định.

- Việc thực hiện các dự án trong khu vực sẽ làm thay đổi diện mạo cảnh quan theo hướng tích cực. Các loại hình công viên, cây xanh tập trung sẽ góp phần tôn tạo và tô điểm thêm cho cảnh quan.

- Tuy nhiên trong quá trình thi công cần tìm ra các giải pháp thích hợp để hạn chế việc đào xới, san lấp địa hình.

#### ***\* Giải pháp bảo vệ môi trường đất, cảnh quan:***

- Xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp và đồng bộ.

- Giám sát chặt chẽ các loại rác thải, nước thải từ nguồn.

#### ***Môi trường sinh thái:***

Thực hiện các dự án xây dựng phải theo đúng yêu cầu quy hoạch để tránh làm ảnh hưởng tới cấu trúc của khu vực.

Thiết kế quy hoạch công viên, cây xanh cảnh quan,...ngoài mục đích phục vụ du khách tham quan, nghỉ ngơi, giải trí còn làm phong phú đa dạng thêm hệ sinh thái của khu vực xung quanh.

#### ***Môi trường kinh tế - xã hội***

Việc thực hiện các dự án có tác động tích cực đến kinh tế - xã hội như sau:

- Thực hiện đúng theo đồ án quy hoạch sẽ giải quyết nhiều vấn đề cơ bản như: việc làm, môi trường sinh thái tạo điều kiện cho bước đột phá mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của xã trong các giai đoạn tiếp theo.

- Tận dụng sức lao động của địa phương.

- Tăng nguồn đóng góp cho ngân sách địa phương.

- Tạo thêm nhiều khả năng, cơ hội việc làm cho dân cư địa phương.

- Thay đổi cơ cấu nghề nghiệp trong một bộ phận dân cư một cách tích cực.

#### ***9.4. Đánh giá chung.***

Các tác động tích cực nhất đó là làm thay đổi diện mạo của một khu vực, đem lại một môi trường sống, cảnh quan, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và không khí tốt hơn mang tính sinh thái.

Tuy nhiên các công tác bảo vệ môi trường cần kiến nghị mét số vấn đề sau:

Việc xây dựng dự án đầu tư cho khu vực nhất thiết phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường cụ thể. Đánh giá công tác xã hội giải phóng đền bù cho các hộ dân cư, cũng như diện tích đất nông nghiệp trong khu vực.

Trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch cần khuyến cáo và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường cũng như phổ biến các kiến thức về môi trường đặc biệt là việc tái tạo tài nguyên thiên nhiên (sử dụng nước mưa tưới cây và rửa đường; Xử lý CTR hữu cơ làm phân vi sinh...)

## **X. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

Trong giai đoạn trước mắt cần tập trung cao độ phấn đấu về đích chuẩn nông thôn mới trong cuối năm 2021.

- Về giao thông.

Còn lại 4,2 km đường liên thôn, 0,86 km đường ngõ xóm và 0,3km đường nội đồng sẽ triển khai thực hiện trong quý 2, quý 3 năm 2021. Kinh phí thực hiện từ nguồn khuyến khích phát triển giao thông nông thôn, nguồn hỗ trợ xi măng của huyện và nhân dân đóng góp.

- Về thủy lợi.

Trong năm 2021 xã được đầu tư hỗ trợ cải tạo, sửa chữa và nâng cấp đập Cây Phay và 2km kênh mương, tổng mức đầu tư của nhà nước 8,9 tỷ đồng, đã thi công công trình.

- Về cơ sở vật chất văn hóa.

+ Hoàn thiện khu thể thao chung của xã có hệ thống rãnh thoát nước, tường rào bao quanh, trồng các cây xanh đảm bảo xanh sạch đẹp.

+ Nhà văn hóa thôn Cát Xuân đang xây dựng và hoàn thiện trong quý III năm 2021. Nguồn vốn: Hỗ trợ của UBND xã Cát Tân, vận động nhân dân thôn Cát Xuân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác xây mới nhà văn hóa của thôn.

- Về Y tế.

Kế hoạch xây tường rào, lò đốt rác và vườn thuốc nam, hoàn thành trong quý II năm 2021. Phấn đấu xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (Nguồn vốn thực hiện theo phân bổ của HĐND huyện đầu năm 2021).

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **\* Kết luận**

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân đến năm 2030 được nghiên cứu quy hoạch đồng bộ sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tới quá trình phát triển, quản lý và đầu tư xây dựng của khu vực lập quy hoạch. Quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đồ án đã có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà tư vấn, chủ đầu tư và các cấp các ngành, đặc biệt là cần có sự đóng góp ý kiến của Đảng ủy, HĐND,

UBND xã Cát Tân, huyện Như Xuân và nhân dân trong xã để cùng đạt được những giải pháp hợp lý và có chất lượng.

Quy hoạch đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu đề ra, là cơ sở cho công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư.

**\* Kiến nghị .**

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất đai không để tư nhân, cơ quan và các doanh nghiệp tự do lấn chiếm.

- Cấm mốc chỉ giới các tuyến đường theo quy hoạch, thông báo quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người biết và thực hiện.

- Sớm bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư làm cơ sở cho các dự án thuộc quy hoạch được triển khai thuận lợi.

Kính đề nghị UBND huyện Như Xuân phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Tân đến năm 2030 làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

**THUYẾT MINH**



**KTS Nguyễn Trung Kiên**